|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 1 : ĐẠI SỐ

**HÀM SỐ BẬC NHẤT**

Thời lượng: 4 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- HS hiểu được đồ thị của hàm số y = ax + b  là một đường thẳng luôn cắt trục tung tại điểm có tung độ là b, song song với đường thẳng y = ax nếu  và trùng với đường thẳng y = ax nếu b = 0.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:** chữa bài tập vận dụng và GV dân dắt vào bài.

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Khái niệm hàm số bậc nhất**

**a) Mục đích:** Hiểu các khái niệm của hàm số bậc nhất.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv hướng dẫn Hs từng bước giải bài toán thực tế trong sgk để xây dựng khái niệm về hàm số bậc nhất.  GV: Yêu cầu HS làm ?1 điền vào chỗ trống(…) cho đúng  GV: Yêu cầu HS làm ?2  H: Em hãy giải thích tại sao đại lượng s là hàm số của t?  HS: Đại lượng s phụ thuộc vào t, ứng với mỗi giá trị của t, chỉ có một giá trị tương ứng của s. Do đó s là hàm số của t.  GV: Lưu ý HS trong công thức s = 50t + 8. Nếu thay s bởi chữ y, t bởi chữ x ta có công thức hàm số quen thuộc: y = 50x + 8. Nếu thay 50 bởi chữ a và 8 bởi chữ b thì ta có y = ax + b (là hàm số bậc nhất  H: Vậy hàm số bậc nhất là gì?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1.Khái niệm hàm số bậc nhất**  **Bài toán :** (sgk.tr46)    ?1  - Sau một giờ ô tô đi được: 50km  - Sau t giờ ô tô đi được: 50t (km)  - Sau t giờ, ô tô cách trung tâm Hà Nội là: s = 50t + 8 (km)  ?2   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | T | 1 | 2 | 3 | 4 | … | | s | **58** | **108** | **158** | **208** | … |   Hs nêu dự đoán |

**Hoạt động 2: Tính chất**

**a) Mục đích:**Hs nắm được các tính chất của hàm số bậc nhất.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu ví dụ sgk để tìm hiểu tính chất của h.số bậc nhất.  GV: Xét hàm số: y = f(x) = -3x + 1. H: Hàm số y = f(x) = -3x + 1 xác định với những giá trị nào của x? Vì sao?  H: Hãy chứng minh hàm số y = -3x + 1 nghịch biến trên R?  GV: Yêu cầu HS làm  GV: Theo chứng minh trên hàm số y = -3x + 1 nghịch biến trên R. Hàm số y = 3x + 1 đồng biến trên R. Hãy nhận xét về hệ số a?  Từ ví dụ, Gv tổng quát tính chất của hàm số bậc nhất.  GV: Qua bài tập \* các hàm bậc nhất nào đồng biến? nghịch biến? Vì sao?  GV: Cho HS làm **?4**  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **2. Tính chất**  **VD:** (sgk.tr47)  ?3  Lấy x1, x2  sao cho x1 < x2  f(x1) = 3x1 + 1  f(x2) = 3x2 + 1 ta có    Vì x1 < x2 suy ra f(x1) < f(x2) thì hàm số y = 3x + 1 đồng biến trên R.  **Tổng quát:**  Hàm số bậc nhất y = ax + b xác định với mọi giá trị x thuộc R và có tính chất sau:  a) Đồng biến trên R, khi a > 0.  b) Nghịch biến trên R, khi a < 0 |

**Hoạt động 3: Đồ thị của hàm số bậc nhất**

**a) Mục đích:**Hs nắm được các tính chất của hàm số bậc nhất.

**b)Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv cho Hs lên bảng làm ?1. Từ đó hướng dẫn Hs nhận xét về sự tương quan của các điểm A, B, C với A’, B’, C’ thông qua hệ thống câu hỏi:  **+** Có nhận xét gì về tung độ tương ứng với cùng một hoành độ của các điểm A’, B’, C’ với các điểm A, B, C trên mặt phẳng toạ độ?  **+** Các tứ giác AA’B’B và BB’C’C là hình gì ?  **+** Nhận xét các đoạn thẳng A’B’ với AB và B’C’ với BC ?  **+** Nếu A, B, C thẳng hàng thì A’, B’, C’ như thế nào?  Gv tổ chức cho Hs hoạt động nhóm làm bài tập ?2. Gv treo bảng phụ về đồ thị hai hàm số trên để hướng dẫn Hs đưa ra khái niệm đồ thị hàm số trên thông qua các câu hỏi sau.  H: Với cùng giá trị của biến x, hãy nhận xét các giá trị tương ứng của hai hàm số y = 2x và y = 2x + 3 ?  H: Đồ thị của hàm số y = 2x là đường như thế nào ?  H: Dựa vào nhận xét ở **?2** hãy nhận định về đồ thị của hàm số y = 2x + 3?  Gv cho Hs tổng kết cách vẽ đồ thị hàm số y = ax + b dựa vào các kết quả đã làm ở mục 1.  H: Khi b = 0 thì hàm số có dạng y = ax với ()  H: Muốn vẽ đồ thị của hàm số này ta làm thế nào?  H: Khi , làm thế nào để vẽ được đồ thị hàm số y = ax + b?  H: Làm thế nào để xác định được hai điểm này?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **3. Đồ thị của hàm số y = ax + b (a ≠ 0).**  **? 1**  \* Nếu A, B, C thuộc (d) thì A’, B’, C’ thuộc (d’) với (d’) // (d)  Hs nêu dự đoán  ?1  ?2   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | X | - 3 | - 2 | - 1 | 0 | 1 | 2 | 3 | | y = 2x | - 6 | - 4 | - 2 | 0 | 2 | 4 | 6 | | y = 2x + 3 | - 3 | - 1 | 1 | 3 | 5 | 7 | 9 |     ***\* Tổng quát :***  Đồ thị hàm số y = ax+b (a) là một đường thẳng:  - Cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng b  - Song song với đường thẳng y = ax, nếu b trùng với đường thẳng y = ax, nếu b = 0  ***\* Chú ý :*** (sgk.tr50)  **Cách vẽ đồ thị của hàm số y = ax + b (a ≠ 0) .**  **\* Cách vẽ: (sgk.tr51)**  **Bước 1**: xác định điểm nằm trên trục tung.  Cho x = 0 thì y = b ta được điểm A(0 ; b) xác định điểm thuộc trục hoành  Cho y = 0 thì x =  ta được điểm B  **Bước 2**: Vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A, B trên mặt phẳng tọa độ, ta được đồ thị hàm số cần tìm. |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Gv yêu cầu Hs hoạt động nhóm làm bài tâpj SGK

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Hs** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Gv chuẩn bị hai bảng phụ có vẽ sẵn hệ trục toạ độ có ô lưới yêu cầu 4 Hs lần lượt lên vẽ đồ thị các hàm số y = 2x ; y = 2x + 5;  và  trên cùng mặt phẳng toạ độ.  Sau đó yêu cầu HS đứng tại chỗ trả lời câu b  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **Bài tập 15/sgk.tr51:**      b) Tứ giác ABCD là hình bình hành vì có hai cặp cạnh đối song song là hình bình hành |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Gv gọi Hs nhắc lại cách vẽ đồ thị hàm số y = ax + b với  từ đó gọi các Hs lên bảng lần lượt làm các câu a, b, c  Gv: Vẽ đường thẳng đi qua B(0 ; 2) song song với Ox và yêu cầu HS lên bảng xác định toạ độ C  GV: Hãy tính diện tích ?  (HS có thể có cách tính khác:  Ví dụ: S­ABC = S­AHC - S­AHB)  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **Bài tập 16/sgk.tr51:**    b) A(-2 ; -2)  c) + Toạ độ điểm C(2 ; 2)  - Xét : Đáy BC = 2cm. Chiều cao tương ứng AH = 4cm  S­ABC = |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Gv cho Hs thảo luận nhóm làm bài tập 18a/sgk.tr52. Gọi Hs đứng tại chỗ trả lời  GV: Gọi HS lên bảng trình bà  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Bài tập 18/sgk.tr52:**  a) Thay x = 4; y = 11 vào y = 3x + b  b = -1  Hàm số cần tìm là y = 3x – 1  Vẽ đồ thị : (HS tự hoàn chỉnh) |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Gv cho Hs thảo luận nhóm làm bài tập Gọi Hs đứng tại chỗ trả lời  GV: Gọi HS lên bảng trình bày  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Bài 16/sbt.tr59**  Khi x = -3 thì y = 0  Ta có: y = (a - 1)x + a a = 1,5  Với a = 1,5 thì đồ thị hàm số trên cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng -3 |

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Nêu định nghĩa đồ thị hàm số bậc nhất? (M1)

Câu 2: Nêu cách vẽ đồ thị hàm số y = ax +b? (M2)

Câu 3: Bài tập 15.17 sgk (M3)

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 1 : ĐẠI SỐ

**§4. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG VÀ ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- HS nắm vững điều kiện để hai đường thẳng y = ax + b (*a*0) và y = a’x + b’ (*a’*0) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Gọi 3 học sinh lần lượt vẽ đồ thị ba hàm số y = 2x + 3, y = 2x – 2 và hàm số y = - 2x – 2 trên cùng một mặt phẳng tọa độ.

Gọi Hs nêu nhận xét về đồ thị 3 hàm số trên có đường thẳng nào song song với nhau? Cắt nhau?

Gv đặt vấn đề: Khi nào thì hai đường thẳng y = ax + b  và đường thẳng y = a’x + b’ song song với nhau? Trùng nhau? Cắt nhau?

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về đường thẳng song song**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượcđường thẳng song song

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv yêu cầu Hs quan sát từ phần khởi động từ đó rút ra điều kiện để hai đường thẳng song song, trùng nhau  Gv cho Hs phát biểu điều kiện để hai đường thẳng song song, trùng nhau?  H: Tổng quát 2 đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0); y = a’x + b’(a’≠ 0). Khi nào chúng song song? Khi nào chúng trùng nhau?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1. Đường thẳng song song.**  \* **Kết luận**:  Hai đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0) và y = a’x + b’(a’ ≠ 0)  + Song song với nhau a = a’; b ≠ b’  + Trùng nhau a = a’; b = b’ |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về Đường thẳng cắt nhau**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượcĐường thẳng cắt nhau

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv tổ chức cho Hs quan sát từ kết quả phần khởi động  Gv hướng dẫn Hs rút ra kết luận và giới thiệu phần chú ý.  + Nhận xét về hệ số a của hai đường thẳng y = 0.5x + 2 và đường thẳng y = 0,5x – 1?  + Từ đó kết luận gì về hai đường thẳng y = 0,5x + 2 và y = 1,5x + 2?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **2. Đường thẳng cắt nhau.**  ?2 Hai đường thẳng y = 1,5x + 2 và  y = 0,5x – 1 cắt nhau  \* **Kết luận**:  Hai đường thẳng cắt nhau a ≠ a’  \* **Chú ý**: Khi a ≠ a’ và b = b’ thì hai đường thẳng cắt nhau tại một điểm trên trục tung có tung độ là b |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Gv Hướng dẫn Hs làm bài toán bằng các gợi ý.

H: Nêu yêu cầu của đề bài ?

H: Hai hàm số y = 2mx + 3 và y = (m + 1)x + 2 là bậc nhất khi nào?

H: Hai đường thẳng d1 và d2 cắt nhau khi nào ?

H: Hai đường thẳng d1 và d2 song song với nhau khi nào ?

Gv cho Hs hoạt động nhóm làm bài tập 20 sgk

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV**: Gọi Hs lần lượt giải các bài tập

**HS :** Hoạt động cá nhân và đại diện HS lên bảng chữa bài.

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Nêu điều kiện để hai đường thẳng y = ax + b và y = a’x + b’ cắt nhau, song song, trùng nha?

Câu 2: Bài tập 20 sgk.

Câu 3: Bài tập 21 sgk.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỚNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 1 : ĐẠI SỐ

**LUYỆN TẬP**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- HS được củng cố điều kiện để hai đường thẳng y = ax + b (a) và y = a’x + b’(a’cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Nêu kết luận về hai đường thẳng song song và hai đường thẳng cắt nhau?

Sửa bài tập 21/sgk.tr54

**B.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs nắm được kiến thức để vận dụng làm các bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài tập 22/sgk.tr55:**  Gv cho Hs đứng tại chỗ trả lời nhanh bài tập 22.  H: Hai đường thẳng song song thì hệ số a của chúng có quan hệ thế nào? Hãy xác định hệ số a biết đồ thị của hàm số song song với y = - 2x  H: Biết khi x = 2 thì hàm số có giá trị y = 7 làm thế nào để tìm được a?  H Đồ thị hàm số vừa xác định và đường thẳng y = -2x có vị trí như thế nào với nhau? Vì sao?  **Bài tập 23/sgk.tr55:**  Gv cho hs hoạt động nhóm làm bài tập trong 3-5p rồi gọi đại diện lên trả lời  H: Đồ thị của hàm số cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng –3có nghĩa là gì?  H: Đồ thị của hàm số đi qua điểm A(1;5). Em hiểu điều đó như thế nào?  H: Đồ thị hàm số đi qua điểm A(1; 5). Vậy làm thế nào để tìm được a?  **bài tập 25/sgk.tr 55:**  Gv cho Hs cá nhân lần lượt lên bảng làm bài tập  H: Chưa vẽ đồ thị, em có nhận xét gì về hai đường thẳng này?  H: Yêu cầu HS nêu cách xác định giao điểm của mỗi đồ thị với hai trục toạ độ?  **Bài tập 24/sgk.tr 55:**  Gv gọi 3 Hs lên bảng làm bài tập  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức**.** | **Bài tập 22/sgk.tr55:**  a) Đồ thị hàm số y = ax + 3 song song với đường thẳng y = - 2x a = - 2  b) Ta thay x = 2 và y = 7 vào công thức hàm số y = ax + 3 ta có :  7 = a. 2 +3  - 2a = - 4 a = 2  Hàm số đó là y = 2x + 3  **Bài tập 23/sgk.tr55:**  a) Đồ thi hàm số y = 2x + b cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng -3, vậy tung độ gốc b = -3.  b) Vì đồ thị hàm số đi qua điểm A(1; 5)  nên ta thay x = 1; y = 5 vào hàm số  y = 2x + b =>  5 = 2.1 + b => b = 3  **Bài tập 24/sgk.tr 55:**  Gọi 2 đ.thg đề bài cho là (d) và (d’).  a)(d) và (d’) cắt nhau khi  b)(d) // (d’)  c)(d) (d’)  **Bài tập 25/sgk.tr 55:**  a) Vẽ đồ thị:  b) Thay y = 1 vào hàm số y = x + 2  ta được x = - =>Toạ độ điểm M(-;1)  \* Thay y = 1 vào hàm số y = -x + 2 ta được x = => N(;1) |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Nêu điều kiện để hai đường thẳng y = ax + b và y = a’x + b’ cắt nhau, song song, trùng nhau

Câu 2: Bài tập 20 sgk

Câu 3: Bài tập 21 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 1 : ĐẠI SỐ

**§5. HỆ SỐ GÓC CỦA ĐƯỜNG THẲNG y = ax + b**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức**:

- HS hiểu khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b (a ≠ 0). Sử dụng hệ số góc của đường thẳng để nhận biết sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:** GV đặt vấn đề: với đường thẳng y = ax + b thì hệ số b được gọi là tung độ góc, vậy Hãy nêu dự đoán, hệ số a được gọi là gì?

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về Khái niệm về hệ số góc của đường thẳng y = ax + b**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượcKhái niệm về hệ số góc của đường thẳng y = ax + b

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv dựa vào hình vẽ 10 sgk để xây dựng khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b.  Nhận xét mối quan hệ giữa hệ số a với góc tạo bởi các đường thẳng và trục Ox ?  Nhận xét gì về hệ số a của các đường thẳng trên với các góc tạo bởi chúng với trục Ox?  Cho HS làm ?1 theo 3 nhóm trong thời gian 5 phú**t**  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1.Khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b (a**  **0)****a) Góc tạo bởi đường thẳng y = ax + b và trục Ox:**   **b) Hệ số góc:**  Các đường thẳng có cùng hệ số a (a là hệ số của x) thì tạo với trục Ox các góc bằng nhau  **?1**  a)  và 0,5 < 1 < 2  b)  và -2 < -1 < -0,5  ***\* Chú ý :*** (sgk.tr57) |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về ví dụ**

**a) Mục đích:**Hs nắm được ví dụ về cách tính góc tạo bởi đường thẳng y = ax + b với trục Ox.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV Cho HS tìm hiểu nội dung ví dụ 1/SGK và hướng dẫn trả lời các câu hỏi:  + Vẽ đồ thị  + Xác định góc α đường thẳng y = 3x + 2 và trục Ox  + Xác định độ dài OA, OB.  + Từ đó tính α theo tan α =  Nêu cách tính góc α qua ví dụ trên: Tính trực tiếp góc α hợp bởi đ.thẳng y = ax + b và trục Ox khi a > 0  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **2. Ví dụ.**  **Ví dụ 1:** (sgk.tr57)  a. Vẽ đồ thị  b. gọi α là góc tạo bởi  y = 3x + 2  với trục Ox.  Khi đó α =  Áp dụng TSLT của góc nhọn  Cho OAB    **Ví dụ 2:** (sgk.tr57) |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

a) Yêu cầu HS vẽ đồ thị của hàm số y = 3x + 2 và xác định góc tạo bởi đường thẳng đó và trục Ox

b) Xét tam giác vuông OAB, ta có thể tính được tỉ số lượng giác nào của góc α ?

GV: Ta thấy tgα = 3 ; 3 chính là hệ số góc của đường thẳng y = 3x + 2.

? Hãy dùng máy tính để xác định góc α (làm tròn đến phút).

Hỏi: Qua ví dụ trên để tính góc  ta có nhất thiết phải xét các tam giác vuông không ?

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV**: Gọi Hs lần lượt giải các bài tập

**HS :** Hoạt động cá nhân và đại diện HS lên bảng chữa bài.

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: thế nào là hệ số góc của đường thẳng y = ax + b

Câu 2: Nêu cách xác đinh hệ số góc của đường thẳng y = ax + b đi qua điểm cho trước

Câu 3: Bài tập 27.28 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐẠI SỐ

**LUYỆN TẬP**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

***1.* Kiến thức**:

- Củng cố khái niệm hệ số góc của đường thẳng y = ax + b ( a0).

- Củng cố, khắc sâu mối quan hệ giữa hệ số a và  (góc tạo bởi đường thẳng y = ax + b (a0) với trục Ox)

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

## HS1: Làm bài tập 1

## Bài 1: Cho hàm số y = 2x - 2

a) Hãy xác định hệ số a, b của hàm số trên.

b) Vẽ đồ thị của hàm số trên.

HS 2: Làm bài tập 2

Bài 2: Xác định hàm số bậc nhất y = ax + b biết:

a) Đồ thị của hàm số đi qua điểm

A( - 1; 2) và có hệ số góc bằng 1,5

b) Đồ thị của hàm số song song với đường thẳng y = x và đi qua điểm B( -1; - 3)

**B.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs nắm được kiến thức và làm bài tập vận dụng.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv tổ chức cho HS làm bài tập 28/58 SGK và bài tập 29, 30/59 SGK  **-**  HS lên bảng cùng lúc làm các câu của bài tập 29/59 SGK  **?** Đồ thị hàm số đi qua điểm (2; 2) có nghĩa là gì?  **?**Đồ thị của hàm số song song với đường thẳng y = ta suy ra được điều gì?  - HS hoạt động nhóm làm bài tập 30/59 SGK  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | *Bài 28/58*: (sgk) y = -2x + 3  a) x = 0  y = 3 C (0; 3)  y = 0  x = 1,5 D(1,5; 0)  Vậy**:** Đồ thị của hàm số y = -2x + 3 là đường thẳng CD  b) Gọi góc tạo bởi đường thẳng y = - 2x + 3 và trục Ox là , và góc  kề bù với  là , ta có : tg = 2 63026’  Vậy :  = 180 0 - 63026’ = 116034’  *Bài 29/59:* (sgk) y = ax + b  ***a) Với a= 2, đồ thị của hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng 1,5 nên x = 1,5 ; y = 0***  Thay a = 2; x = 1,5 ; y = 0 vào công thức hàm số  y = ax + b, ta được: 0 = 2.1,5 + b b = -3  Vậy: hàm số cần xác định là y = 2x - 3  b) Với a = 3 và đồ thị hàm số đi qua điểm  (2; 2) nên x = 2 ; y = 2.  Thay a = 3; x = 2; y = 2 vào công thức hàm số  y = ax + b, ta được: 2 = 3.2 + b  b = - 4  Vậy : hàm số cần xác định là y = 3x - 4  c) Đồ thị của hàm số song song với đường thẳng  y =  và đi qua điểm B(1; ) nên : a = ; x = 1; y = .  Thay a = ; x = 1; y =  vào công thức hàm số y = ax + b, ta được: = .1 + b  b = 5  Vậy:hàm số cần xác định là y =x + 5  *Bài 30/ 59: (SGK)*  *a*)*Vẽ đồ thị hàm số*:  x = 0  y = 2 C (0; 2)  y = 0  x = -4 A(-4; 0)    x = 0  y = 2 C (0; 2)  y = 0  x = 2 B(2; 0)  b) A(-4; 0); B(2; 0); C(0; 2)    ***c) Gọi chu vi, diện tích của tam giác ABC theo thứ tự là P, S. Áp dụng định lý Pitago đối với các tam giác vuông OAC và OBC, ta có:***    Lại có : AB = OA + OB = 4 + 2 = 6 (*cm*)  Vậy: P = AB + OB + BC = 6 + +(*cm*) |

**c. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: thế nào là hệ số góc của đường thẳng y = ax + b (M1)

Câu 2: Nêu cách xác đinh hệ số góc của đường thẳng y = ax + b đi qua điểm cho trước (M2)

Câu 3: Bài tập 27.28 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 1 : ĐẠI SỐ

**ÔN TẬP CHƯƠNG II**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản của chương giúp HS hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về các khái niệm hàm số, biến số, đồ thị của hàm số, khái niệm của hàm số bậc nhất y = ax + b, tính đồng biến, tính nghịch biến của hàm số bậc nhất. Giúp HS nhớ lại các điều kiện hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau,

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là hàm số bậc nhất một ẩn

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu :**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau :

1/ Nêu định nghĩa hàm số? Hàm số được cho bằng những cách nào? Cho ví dụ.

2/ Đồ thị hàm số y = f (x) là gì ?

3/ Thế nào là HSBN ? cho ví dụ. Nêu tính chất của hàm số y = ax + b

4/ Góc  tạo bởi đường thẳng y = ax + b và trục Ox được xác định ntn ?

5/ Vì sao người ta gọi a là hệ số góc của đường thẳng y = ax + b ?

6/ Khi nào hai đường thẳng (d) y = ax +b () và (d’) y = a’x +b’ () : cắt nhau, song song, trùng nhau ?

**B.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu :**Hs nắm được lý thuyết để làm các bài tập vận dụng

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Cho HS hoạt động nhóm làm các bài tập 32; 33; 34; 35 tr61 SGK  Nửa lớp làm bài 32; 33.  Nửa lớp làm bài 34; 35.  HS xác định toạ độ các điểm A, B, C  **H.** Để xác định toạ độ điểm C ta làm tn ?  Có được x =1,2, làm thế nào để tính y?  Làm thế nào để tính AB và AC ?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | ***Bài 32 : (sgk)***  a) Hàm số y = (m -1)x +3 đồng biến  b) Hàm số y = (5 – k )x +1 nghịch biến  ***Bài 33 : (sgk)*** Hai h/s y = 2x + (3 + m) và y = 3x + ( 5 - m ) đều là hàm số bậc nhất,  Đã có a  a’ ( 2  3 ). Do đó đồ thị của chúng cắt nhau tại một điểm trên trục tung  ***Bài 34 : (sgk)*** .Hai đường thẳng y = (a – 1)x +2 (a  1) và y = (3 –a )x +1 (a  3) đã có tung độ gốc b  b’ (2  1) . Do đó hai đường thẳng song song với nhau  ***Bài 35 : (sgk )***  Hai đường thẳng y = kx + (m - 2) (k 0) và  y = (5 – k)x + (4 - m ) (k  5) trùng nhau    ***Bài 37 : ( sgk )***  \* Đồ thị hàm số y = 0,5x + 2 là đường thẳng cắt trục tung tại điểm A (0 ; 2) và cắt trục hoành tại điểm B (-4 ; 0).  \* Đồ thị hàm số y = 5 – 2x là đường thẳng cắt trục tung tại điểm C (0 ; 5) và cắt trục hoành tại điểm D (2,5 ; 0)  b) A ( -4 ; 0 ) và B ( 2,5 ; 0 )  Vì hai đường thẳng cắt nhau nên ta có phương trình hoành độ giao điểm của hai đường thẳng là : 0,5x +2 = -2x +5  2,5 x = 3  x = 1,2  Thay x = 1,2 vào hàm số y =0,5 x + 2  Ta có y = 0,5 . 1,2 +2 = 2,6  Vậy toạ độ điểm C là C ( 1,2 ; 2,6 )  c) Ta có AB = AO + OB = 4 + 2,5 = 6,5 ( cm )  Gọi F là hình chiếu của điểm C trên Ox  Áp dụng định lí Py–ta-go  AC=5,18  BC= |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu :**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

- Hệ thống lại kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy

- Tìm một số bài tập nâng cao về đồ thị hàm số.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 1 : ĐẠI SỐ

**§1. PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** Nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và cách giải phương trình bậc nhất 2 ẩn

**2. Năng lực:**

***-* Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ***

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất:** luôn tích cực và chủ động trong học tập, có tinh thần trách nhiệm trong học tập, luôn có ý thức học hỏi

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU*:***

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2. Chuẩn bị của học sinh:**  Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu: Hs bước đầu nhận dạng được dạng của phương trình bậc nhất hai ẩn và số nghiệm của nó

b) Nội dung: Giới thiệu bài toán cổ, giới thiệu dạng phương trình mới.

c) Sản phẩm: Dự đoán của học sinh về dạng phương trình mới.

d) Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Hs** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Giới thiệu phương trình bậc nhất hai ẩn thông qua bài toán cổ.  Gọi số gà là x, số chó là y ta có: x + y = 36; 2x + 4y = 100 là các ví dụ về phương trình bậc nhất có hai ẩn số. Vậy phương trình bậc nhất hai ẩn là gì? Có dạng như thế nào? Có bao nhiêu nghiệm và tập nghiệm được biểu diễn như thế nào? | Là phương trình gồm có hai ẩn x và y  Có vô số nghiệm |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

a) Mục tiêu: Nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn

b) Nội dung: Giới thiệu dạng của pt bậc nhất hai ẩn.

c)Sản phẩm: Hs nêu được khái niệm, tên gọi và các quy ước, xác định được cặp số (x;y) là nghiệm của pt bậc nhất hai ẩn, biết viết công thức nghiệm tổng quát.

d) Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Hs** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *GV giao nhiệm vụ học tập.*  gv giới thiệu từ ví dụ tổng quát phương trình bậc nhất hai ẩn là hệ thức dạng ax + by = c, trong đó a, b, c là các số đã biết (a0 hoặc b0)  H: Trong các ptr sau ptr nào là ptr bậc nhất hai ẩn?  a) 4x – 0,5y = 0 b) 3x2 + x = 5 c) 0x + 8y = 8.  d) 3x + 0y = 0 e) 0x + 0y = 2 f) x + y – z = 3.  GV hướng dẫn Vd 2: Xét ptr x + y = 36  Ta thấy với x = 2 ; y = 34 thì giá trị vế trái bằng vế phải, ta nói cặp số x = 2, y = 34 hay cặp số (2 ; 34) là một nghiệm của ptr.  H: Hãy chỉ ra một nghiệm khác của phưng trình?  H: Vậy khi nào cặp số được gọi là một nghiệm của pt?  GV nêu chú ý: Trong mặt phẳng toạ độ mỗi nhiệm của ptr bậc nhất hai ẩn được biểu diễn bởi một điểm. Nghiệmđược biểu diễn bởi điểm có toạ độ  và cho Hs làm?1  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày và tìm nghiệm của phương trình  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1. Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn.**  Phương trình bậc nhất hai ẩn x và y là hệ thức dạng: ax + by = c -, trong đó a, b, c là các số đã biết (a0 hoặc b0)  \* **Ví dụ 1:** (sgk.tr5 )  \* *Nghiệm của phương trình*: (sgk.tr5 )  - *Nếu tại  mà giá trị hai vế của của ptr bằng nhau thì cặp số được gọi là một nghiệm của ptr-*  \* **Ví dụ 2:** (sgk.tr5 )  \* **Chú ý:** (sgk.tr5 )  Cho phương trình 2x – y = 1  a) Ta thay x = 1; y = 1 vào vế trái của phương trình 2x – y = 1 ta được  2.1 – 1 = 1 bằng vế phải => Cặp số  (1; 1) là một nghiệm của phương trình  − Tương tự cặp số (0,5; 0) là một nghiệm của phương trình.  b) Một số nghiệm khác của phương trình: (0; −1); (2; 3) … …  Phương trình 2x – y = 1 có vô số nghiệm, mỗi nghiệm là một cặp số. |

**Hoạt động 2: Tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn.**

a) Mục tiêu: Nắm được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm và cách giải phương trình bậc nhất 2 ẩn

b) Nội dung: Giới thiệu dạng, cách tìm nghiệm, công thức nghiệm tổng quát của pt bậc nhất hai ẩn.

c)Sản phẩm: Hs nêu được khái niệm, tên gọi và các quy ước, xác định được cặp số (x;y) là nghiệm của pt bậc nhất hai ẩn, biết viết công thức nghiệm tổng quát.

d) Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *GV giao nhiệm vụ học tập.*  Gv yêu cầu Hs nghiên cứu thông tin sgk để tìm hiểu cách biểu diễn tập nghiệm của ptr bậc nhất hai ẩn  H: Ta đã biết phương trình bậc nhất hai ẩn có vô số nghiệm, vậy làm thế nào để biểu diễn tập nghiệm của phương trình?  HS: Nghiên cứu ví dụ SGK  GV: Yêu cầu HS biểu thị y theo x và làmSGK  GV: Giới thiệu trong mặt phẳng Oxy tập hợp các điểm biểu diễn các nghiệm của phương trình - là đường thẳng y = 2x − 1  GV: Đường thẳng y = 2x - 1 còn gọi là đường thẳng 2x – y = 1. Gọi HS lên bảng vẽ đường thẳng y = 2x - 1 trên hệ trục tọa độ.  GV: Tìm nghiệm tổng quát của các phương trình: 0x + 2y = 4; 0x + y = 0; 4x + 0y = 6; x + 0y = 0?  GV: Giới thiệu tập nghiệm của phương trình (4) và (5) được biểu diễn bởi đường thẳng y = 2 và x = 1,5 như hình vẽ  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | ***2.* Tập nghiệm của phương trình bậc**  **nhất hai ẩn.**  \* Xét phương trình 2x – y = 1 -  ⇒ y = 2x − 1  Có vô số nghiệm và có nghiệm tổng quát là:  hoặc S = {(x; 2x – 1)/ xR}    Tập nghiệm của  phương trình là đường  thẳng 2x – y = 1  \* Xét phương trình 0x + 2y = 4 ⇒ y = 2 có vô số nghiệm và có nghiệm tổng quát là:  Tập nghiệm của phương trình là đường thẳng y = 2  \* Xét phương trình 4x + 0y = 6 ⇒ x=1,5 có vô số nghiệm và có nghiệm tổng quát là:  Tập nghiệm của phương trình là đường thẳng x = 1,5  \* **Tổng quát**: *(sgk.tr6)* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: Thực hành giải một số dạng toán liên quan

c) Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Hs** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *GV giao nhiệm vụ học tập.*  *Gọi Hs lần lượt giải các bài tập sau:*  **Bài 1**  a) Kiểm tra xem các cặp số (1; 1) và (0,5; 0) có là nghiệm của phương trình 2x – y = 1 hay không ?  b) Tìm thêm một nghiệm khác của phương trình 2x – y = 1.  **Bài 2**: Điền vào bảng sau và viết ra sáu nghiệm của phương trình -:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -1 | 0 | 0,5 | 1 | 2 | 2,5 | | y = 2x –1 |  |  |  |  |  |  |   *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | **Bài 1:**  a) Cặp số (1; 1) là nghiệm của phương trình 2x – y = 1 vì 2.1 – 1 = 1  Cặp số (0,5; 1) là nghiệm của phương trình 2x – y = 1 vì 2.0,5 – 1 ≠ 1  b) Chọn x = 2 ta có: 2.2 – y = 1 ⇔ y = 3  Vậy cặp số (2; 3) là một nghiệm của phương trình 2x – y = 1  Bài 2:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | -1 | 0 | 0,5 | 1 | 2 | 2,5 | | y = 2x – 1 | -3 | -1 | 0 | 1 | 3 | 4 |   Vậy 6 nghiệm của phương trình là : (-1; -3), (0; 1), (0,5; 0), (1;1), (2; 3), (2,5; 4) |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Nắm vững định nghĩa, nghiệm, số nghiệm của ptr bậc nhất hai ẩn. Biết viết nghiệm tổng quát của ptr và biểu diễn tập nghiệm bằng đường thẳng.

- Bài tập về nhà số 1, 2, 3 tr 7 SGK, bài 1, 2, 3, 4 tr 3, 4 SBT

- Xem trước phần luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**ĐƯỜNG KÍNH VÀ DÂY CỦA ĐƯỜNG TRÒN**

Thời lượng: 1 tiết

**I.MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:**

- HS nắm đường kính là dây lợi nhất trong các dây của đường tròn , nắm được 2 định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của 1 dây không đi qua tâm.

- HS biết vận dụng các định lý để chứng minh đường kính đi qua trung điểm của 1 dây ,đường kính vuông góc với dây

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS**: Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

GV: Yêu cầu HS vẽ đường tròn ngoại tiếp của tam giác vuông () Hãy chỉ rõ tâm ,đường kính,và các dây của đường tròn đó ?

\* Trả lời :Tâm là trung điểm của đoạn BC.

Đường kính là BC;Dây là AB,AC

Gv đặt vấn đề : Cho (O;R) trong các của đường tròn , dây lớn nhất là dây như thế nào ?Dây đó có độ dài bằng bao nhiêu ?

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về So sánh độ dài của đường kính và dây**

**a) Mục đích:**Hs So sánh độ dài của đường kính và dây

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GV yêu cầu hs đọc đề bài toán  **?** Đưòng kính có phải là dây của đường tròn không?  Vậy ta cần xét AB trong mấy trường hợp?  Nếu AB là đường kính thì độ dài AB là boa nhiêu?  Nếu AB không là đường kính thì dây AB có quan hệ thế nào với OA + OB? Tại sao?  Từ hai trường hợp trên em có kết luận gì về độ dài của dây AB?  Vậy thì lúc nào thì dây AB lớn nhất .  HS: đọc định lí 1.tr:103 (sgk)  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **I.So sánh độ dài của đường kính và dây :**  1.Bài toán (sgk) Giải:  a) Trường hợp dây AB là đường kính:AB=2.R    b) Trường hợp dây AB không là đường kính:    Ta có AB<OA+OB=2R(bất đẳng thức )  Vậy :AB 2R  2.Định lí 1(SGK) |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây.**

**a) Mục đích:** Học sinh nắm được Định lí về đường kính vuông góc với một dây và đường kính đi qua trung điểm của dây không đi qua tâm.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV vẽ đường tròn (O;R); đường kính AB với dây CD tại I.  **?**Em hãy so sánh độ dài IC và ID? Có bao nhiêu cách để so sánh .  **?** Nếu CD là đường kính thì kết quả trên còn đúng không  **?** Em hãy rút ra nhận xét từ kết quả trên.  **?**Hãy thực hiện ?.1  HS: Hình vẽ :AB không vuông góc với CD.  **?**Cần bổ sung thêm điều kiện nào thì đường kính AB đi qua trung điểm của dây CD sẽ vuông góc với CD.  **?** Hãy thực hiện ?.2  **?**Từ giả thiết:AM=MB,suy ra được điều gì? Căn cứ vào đâu?  **?**Như vậy để tính độ dài dây AB ta chỉ cần tínhđộ dài đoạn nào .  **?** Làm thế nào để tính AM.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **II.Quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây:**  1.Định lí 2 (SGK)  GT:  ;CD:dây  AB CD tại I  KL IC=ID  Ta có COD cân tại O (OC=OD=R).Do đó đường cao OI đồng thời là trung tuyến Vậy :IC=ID  2.Định lí 3 ( đảo của định lí 2)  -AB là đường kính  -AB cắt CD tại I AB CD  - I 0;IC=ID  **?.2** -( O;13cm)  -AB:dây;  GT -AM=MB  OM =5cm  KL AB?    CM: Ta có MA=MB (theo gt) OM AB(định lí quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây)   * AMO vuông tại M * (định lí pitago) * AB = 2.AM = 2.12 = 24cm   Vậy :AB = 24 (cm) |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

- Phát biểu định lí so sánh độ dài của đường kính và dây?

- Phát biểu định lí quan hệ vuông góc giữa đường kính và dây ?Hai định lí này có mối quan hệ như thế nào với nhau?Nêu điều kiện để dịnh lí đảo hoàn toàn đúng ?

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV**: Gọi Hs lần lượt giải các bài tập

**HS :** Hoạt động cá nhân và đại diện HS lên bảng chữa bài.

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

- Học thuộc và chứng minh được 3 định lí đã học.

- Làm bài tập 10,11 SGK.

- Hệ thống kiến thức và tìm bài nâng cao

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**LUYỆN TẬP**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- HS nắm đường kính là dây lợi nhất trong các dây của đường tròn , nắm được 2 định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của 1 dây không đi qua tâm.

- HS biết vận dụng các định lý để chứng minh đường kính đi qua trung điểm của 1 dây ,đường kính vuông góc với dây

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:** Nêu 2 định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của 1 dây không đi qua tâm.2.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Gọi HS đọc đề bài tập 10/sgk  GV: Chia lớp thành 4 nhóm và cho HS hoạt động nhóm trong thời gian 7 phút làm bài tập 10  GV: Gọi HS đọc đề bài tập 11/sgk  GV: Chia lớp thành 4 nhóm và cho HS hoạt động nhóm bài tập 11 trong thời gian 7 phút.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **Bài 10**   1. Dựng các trung tuyến OE, OD của các tam giác BEC, BDC.   Theo tính chất đường trung tuyến của tam giác vuông.  Ta có: OE = OB = OC  OD = OB = OC  Suy ra: OE = OD= OB = OC  Hay bốn điểm B, E, D, C cùng cách O một khoảng không đổi.  Vậy 4 điểm B, E, C, D cùng nằm trên đường tròn (O; OB)  b) Chứng minh DE < BC  Trong , ta có: ED < EO + OD  Để học tốt Toán 9 | Giải bài tập Toán 9Mà OE = OB; OD = OC. Suy ra: ED < OB + OC. Hay ED < BC  **Bài 11**  Để học tốt Toán 9 | Giải bài tập Toán 9  Kẻ OM ⊥ CD.  Vì AH // BK (cùng vuông góc HK) nên tứ giác AHKB là hình thang.  Hình thang AHKB có:      AO = OB (bán kính).    OM // AH // BK (cùng vuông góc HK)  => OM là đường trung bình của hình thang.  => MH = MK         (1)  Vì OM ⊥ CD nên MC = MD     (2)  Từ (1) và (2) suy ra CH = DK. (đpcm) |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung:** Cho HS hoàn thành bài tập 18 SBT/ 130.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**Bài 18**

Gọi trung điểm của OA là H.Vì  và BH  OA tại H

 ABO cân tại B: 

Mà   

 AOB đều  

BHO vuông có BH=BO.sin600



**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**VỊ TRÍ TƯƠNG ĐỐI CỦA ĐƯỜNG THẲNG VÀ ĐƯỜNG TRÒN**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn và điều kiện để mỗi vị trí tương ứng có thể xảy ra;

- Hiểu các khái niệm tiếp tuyến của đường tròn, tiếp điểm. Nắm được định lí về tính chất tiếp tuyến.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:** Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:** Chúng ta đã biết VTTĐ của hai đường thẳng. Vậy nếu có một đường thẳng và đường tròn, sẽ có mấy VTTĐ? Mỗi trường hợp có mấy điểm chung?

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về Ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượcBa vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv cho Hs suy nghĩ trả lời ?1. Từ đó giáo viên giới thiệu về ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.  GV giới thiệu :  + Vị trí cắt nhau của đường thẳng và đường tròn  + Cát tuyến  H: Nếu đường thẳng a đi qua tâm O thì OH =?  H: Nếu đường thẳng a không đi qua tâm O thì OH thế nào với R? Nêu cách tính AH, HB theo OH và R?  Gv Hướng dẫn Hs chứng minh khẳng định trên qua ?2  Khi đó đường thẳng và đường tròn có mấy điểm chung?  Có nhận xét gì về OC với đường thẳng a và độ dài khoảng cách OH?  H: Phát biểu kết quả trên thành Định lý?  H: So sánh khoảng cách OH từ O đến đường thẳng a và bán kính của đường tròn?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1.Ba vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn.**  ?1Vì nếu đường thẳng và đường tròn có ba điểm chung thì lúc đó đường tròn đi qua ba điểm thẳng hàng là vô lý (theo sự xác định của đường tròn)  a) Đường thẳng và đường tròn cắt nhau: (sgk.tr107)  OH < R và HA = HB =  ?2  + Khi AB đi qua tâm, ta có : OH = 0 < R  + Khi AB không đi qua tâm :Kẻ OH AB  Xét tam giác OHB vuông tại H, ta có:  OH < OB nên OH <R (đpcm)  b) Đường thẳng và đường tròn tiếp xúc nhau: (Sgk.tr108)    Định lý: (sgk.tr108)  c) Đường thẳng và đường  tròn không giao nhau:  (sgk.tr108)  OH > R |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về Hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của ĐT**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượchệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của ĐT

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv cho Hs tìm hiểu nội dung trong sgk. Gv treo bảng phụ và giới thiệu bảng tóm tắt như sgk.tr109. Gv Tổ chức cho Hs hoạt động nhóm làm?3 trong 3-5p rồi gọi Hs đại diện nhóm trình bày.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **2. Hệ thức giữa khoảng cách từ tâm đường tròn đến đường thẳng và bán kính của đường tròn.**  \* Bảng tóm tắt: (Sgk.tr109)  ?3  a) Đường thẳng a và đường tròn cắt nhau tại 2 điểm vì d < R  b) Ta có: HC = HB =  = = 4 (cm) BC = 8 (cm) |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

GV giới thiệu bài tập 17 trang 109 SGK.Hãy điền vào chỗ trống (…) trong bảng sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| R | D | VTTĐ của đ.thg và ĐT |
| 5cm | 3cm |  |
| 6cm |  | Đ.thg và ĐT tiếp xúc nhau |
| 4cm | 7cm |  |

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV**: Gọi Hs lần lượt giải các bài tập

**HS :** Hoạt động cá nhân và đại diện HS lên bảng chữa bài.

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Hãy nêu các vị trí tương đối của đường thẳng với đường tròn.

Câu 2: Xác định tên gọi của đường thẳng trong mỗi trường hợp?

Câu 3: Bài tập 17 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**§5. DẤU HIỆU NHẬN BIẾT TIẾP TUYẾN CỦA ĐƯỜNG TRÒN**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:** Trong tiết học hôm trước, chúng ta đã biết về khái niệm tiếp tuyến của đường tròn. Làm thế nào để nhận biết một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn?

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượcDấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv cho Hs nhắc lại dấu hiệu nhận biết TT của đường tròn ở bài trước. Giới thiệu thêm một dấu hiệu khác và hướng dẫn Hs chứng minh dấu hiệu đó.  H: Qua bài học hôm trước, chúng ta đã có cách nào để nhận biết tiếp tuyến của đường tròn?  GV: Treo bảng phụ ghi 2 dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.  GV vẽ hình: Cho đường tròn (O), lấy một điểm C thuộc (O). Qua C vẽ đường thẳng a vuông góc với bán kính OC.  H: Đường thẳng a có là tiếp tuyến của (O) hay không? Vì sao?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1. Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.**  **Định lí:** (Sgk.tr110)      GT Ca, C(O); a OC  KL a là tiếp tuyến của (O)  Chứng minh :  Ta có OC  a, vậy OC là khoảng cách từ tâm O đến đường thẳng a, do đó OC = d. Có O  (O;R)  OC = R. Vậy d = R. Suy ra đường thẳng a là tiếp tuyến của đường tròn (O)  ?1  Vì BC AH tại H, AH là bán kính của đường tròn nên BC là tiếp tuyến của đường tròn. |

**Hoạt động 2: Áp dụng**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng kiến thức để giải bài tập

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv giới thiệu bài toán sgk, hướng dẫn Hs chứng minh qua các gợi ý sau  H: Giả sử qua A ta đã dựng được tiếp tuyến AB của đường tròn (O), (với B là tiếp điểm). Em có nhận xét gì về tam giác ABO?  H: Tam giác ABO có AO là cạnh huyền, vậy làm thế nào để xác định điểm B?  H: Vậy điểm B nằm trên đường nào? Từ đó hãy nêu cách dựng tiếp tuyến AB.  GV: Thao tác các bước dựng trên bảng (như hình 75/sgk.tr111).  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **2. Áp dụng.**  **Bài toán:** (sgk.tr111)  **Cách dựng :** Dựng M là trung điểm của AO  Dựng ( M; MO ) cắt (O) tại B và C  Kẻ AB ; AC ta được các tiếp tuyến cần dựng  **Chứng minh:**  AOB có trung tuyến BM  Và BM = AO nên =900  => AB OB tại B => AB là tiếp tuyến của (O)  \* Chứng minh tương tự ta có AC là tiếp tuyến của (O) |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Làm Bài tập 21/sgk.tr111.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV**: Gọi Hs lần lượt giải các bài tập

**HS :** Hoạt động cá nhân và đại diện HS lên bảng chữa bài.

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

**-** Nhắc lại dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn.

- Yêu cầu HS vẽ hình, sau đó GV vẽ hình để HS đối chiếu. Lưu ý yêu cầu của hình vẽ là đúng theo các độ dài 3, 4, 5 (Chọn một đoạn thẳng làm đơn vị 1 (cm).

- Sau vài phút yêu cầu HS đứng tại chỗ phát biểu chứng minh.

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**LUYỆN TẬP**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Củng cố cho HS các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của ĐT.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

1. Nêu các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn?

2. Sửa bài tập 22/sgk.tr 111

**B.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Gọi HS đọc đề bài tập 24/sgk.tr111  GV: Chia lớp thành 3 nhóm và cho HS hoạt động nhóm trong thời gian 7 phút làm bài tập 24  H: Nhận xét điểm H từ đó suy ra AH =?  H: Theo hình vẽ và đề bài thì để tính OH ta áp dụng kiến thức nào?  H: Xét tam giác vuông OAC tại A, đường cao AH, có thể tính OC theo hệ thức nào?  GV: Gọi HS đọc đề bài tập 25/sgk.tr112  GV: Chia lớp thành 3 nhóm và cho HS hoạt động nhóm bài tập 25 trong thời gian 7 phút.  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **Bài tập 24/sgk.tr111:**  a) Gọi H là giao điểm của OC và AB  Tam giác AOB cân tại O,  OH là đường cao nên cũng là  đường phân giác hay  OBC = OAC (*c.g.c*)  =  = 900  Do đó: CBlà tiếp tuyến của đường tròn (O)  b) Ta có:  Áp dụng định lý Pitago cho  tam giác vuông OAH ta có:  OH2 + AH2 = OA2 OH2 = OA2 - AH2 = 152 - 122 = 81  OH = 9 (*cm*)  Xét tam giác OAC vuông tại A, đường cao AH nên : OA2 = OH.OC  OC = OA2 : OH = 225 : 9 = 25 (*cm*)  **Bài tập 25/sgk.tr112:**  a) Ta có:  OA  BC nên MB = MC  (Định lý đường kính  vuông góc với dây cung)  Tứ giác OCAB có :  MO = MA ; MB = MC nên là hình bình hành.  Lại có : OA  BC nên OCAB là hình thoi  b) Trong tam giác OBA có : OM vừa là đường cao, vừa là trung tuyến nên cân tại B => OB = AB  Mặt khác: OB = OA (bán kính )  OBA là tam giác đều = 600  Xét tam giác OBE vuông tại B, Áp dụng hệ thức giữa cạnh và góc trong một tam giác vuông, ta có:  BE = OB.tan 600 = R  c) Chứng minh tương tự, ta có:  = 600  Xét hai tam giác BOE và  COE có: OB = OC  = 600  cạnh OE chung  nên : (c.g.c)  mà  = 900  nên  = 900  Vậy CE là tiếp tuyến của đường tròn(O) |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Nêu các dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn?

Câu 2: Để chứng minh một đường thẳng là tiếp tuyến của đường tròn thì ta cần làm gì?

Câu 3: Bài tập 21.22 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**TÍNH CHẤT HAI TIẾP TUYẾN CẮT NHAU**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được các tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau; nắm được thế nào là đường tròn; hiểu được đường tròn bàng tiếp tam giác.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:** Trên hình vẽ ta có AB, AC là hai tiếp tuyến cắt nhau của đường tròn (O), chúng có những tính chất gì?

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau.**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượctính chất hai tiếp tuyến cắt nhau.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS làm?1  GV: Giới thiệu góc tạo bởi 2 tiếp tuyến, góc tạo bởi 2 bán kính  H: Nêu các tính chất của 2 tiếp tuyến của đường tròn cắt nhau tại một điểm?  GV: Giới thiệu một ứng dụng của định lí này là tìm tâm của các vật hình tròn bằng “thước phân giác “ và giới thiệu “thước phân giác “  GV: Yêu cầu HS làm ?2  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1. Định lí về hai tiếp tuyến cắt nhau.**  **? 1**  OB = OC (bán kính)    Nên ∆AOB = ∆AOC  (cạnh huyền – cạnh góc vuông)  Suy ra: AB = AC;  **Định lí:**(Sgk.tr114 )  **Chứng minh*:*** (Sgk.tr114 )  **?2** Đặt miếng gỗ hình tròn tiếp xúc với hai cạnh của thước. Kẻ theo tia phân giác của thước, ta vẽ được một đường kính của đường tròn. Xoay miếng gỗ rồi tiếp tục làm như trên ta vẽ được đường kính thứ hai. Giao điểm của hai đường vừa vẽ là tâm của miếng gỗ tròn |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về Đường tròn nội tiếp tam giác**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượcđường tròn nội tiếp tam giác

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Yêu cầu HS nhắc lại thế nào là đường tròn ngoại tiếp tam giác, tâm của đường tròn ngoại tiếp tam giác nằm ở vị trí nào?  GV: Yêu cầu HS đọc đề và làm ?3 Sgk theo 3 nhóm trong thời gian 3 phút. GV vẽ sẵn hình vẽ trên bảng phụ  GV: Giới thiệu đường tròn (I,ID) là đường tròn nội tiếpABC và ABC ngoại tiếp (I)  H: Vậy thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác, tâm đường tròn nội tiếp tam giác nằm ở đâu? Tâm này có quan hệ như thế nào với 3 cạnh của tam giác?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **2. Đường tròn nội tiếp tam giác.**  **?3**  Vì I thuộc phân giác của góc A nên  IE = IF;  Vì I thuộc phân giác của góc B nên IF = ID Suy ra IE = IF = ID  Vậy D, E, F cùng nằm trên một đường tròn(I, ID) |

**HOẠT ĐỘNG 3. Đường tròn bàng tiếp tam giác**

**a) Mục đích:**Hs nắm được đường tròn nội tiếp tam giác

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **3. Đường tròn bàng tiếp tam giác.**    ?4 Vì K thuộc tia phân giác của góc  nên KD = KD  Vì K thuộc tia phân giác của góc  nên KD = KE suy ra KF = KD = KE.  Vậy D, E, F nằm trên mộ x  t đường y  tròn (K, KD) |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

**Bài tập:**  “Cho đường tròn (O), các tiếp tuyến tại B và tại C cắt nhau ở A. Gọi H là giao điểm của OA và BC. Hãy tìm một số đoạn thẳng bằng nhau, góc bằng nhau, đường thẳng vuông góc có trọng hình vẽ”



**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV**: Gọi Hs lần lượt giải các bài tập

**HS :** Hoạt động cá nhân và đại diện HS lên bảng chữa bài.

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Phát biểu định lí tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau?

Câu 2: Thế nào là đường tròn nội tiếp, bàng tiếp tam giác?

Câu 3: Nêu cách xác định đường tròn nội tiếp, bàng tiếp tam giác?

Câu 4: Bài tập 26 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**LUYỆN TẬP**

Thời lượng: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố và khắc sâu cho học sinh nắm chắc định lý về tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau, đường tròn nội tiếp tam giác, tam giác ngoại tiếp đ­ờng tròn, đ­ờng tròn bàng tiếp tam giác.

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- Phát biểu tính chất về hai tiếp tuyến cắt nhau.

- Vẽ tiếp tuyến của ĐT (O) đi qua điểm M nằm ngoài ĐT.

**B.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV: Vẽ hình  HS: Chứng minh OA BC  H: Muốn chứng minh BD // OA ta cần chứng minh điều gì?  Gv yêu cầu Hs vẽ hình và hướng dẫn Hs chứng minh  a) c/m  = 900  H: em có nhận xét gì về 2 tia OC; OD? Vì sao?  quan hệ ntn với ?  H: AC. BD bằng tích nào?  H: Tại sao CM.MD không đổi  Gv yêu cầu HS hoạt động nhóm: Bài 31: sgk  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | Bài tập 26/sgk.tr115  a) Ta có: AB = AC  (t/c hai tiếp tuyến cắt nhau)  OB = OC = R  OA là trung trực của BC  OA BC (tại H) và HB = HC  b) Xét CBD có CH = HB (cmt);  H  CO = OD = R  OH là đường trung bình của tam giác  OH // BC hay OA // BD  c) Trong ABO ( = 900):  AB =  Sin BAO =  = 300 =600  ABC có AB = AC,  = 600  ABC là tam giác đều. Vậy AB = AC = BC =  **Bài 30 sgk**  Ta có OC là phân giác  và  OD là phân giác của  (t/c tt)  mà  kề bù  OC vuông góc OD hay =900  b) Có CM=CA, MD=MB (t/c 2tt cắt nhau )  CM + MD = CA + BD hay CD = AC + BD  c) AC.BD = CM.MD  Trong tam giác vuông COD có OM  CD (t/c tt)  CM.MD = OM2 (hệ thức lượng)  AC.BD = r2 (không đổi)  **Bài 31: sgk**  a) Có : AD = AF; BD = BE; CF = CE (t/c 2tt)  AC + AB – BC = AD + DB + AF + FC – BE – EC  = AD + DB + AD – BD - FC = 2AD  b) các hệ thức tương tự như câu a là :  2BE = BA + BC - AC  2CF = CA + CB - AB |

**C. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Phát biểu định lí tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau?

Câu 2: Thế nào là đường tròn nội tiếp, bàng tiếp tam giác?

Câu 3: Nêu cách xác định đường tròn nội tiếp, bàng tiếp tam giác?

Câu 4: Bài tập 26 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: TOÁN** | **GV: NGUYỄN VĂN ĐỨC** |

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

PHẦN 2 : HÌNH HỌC

**VỊ TRÍ TƯƠNG ĐỐI CỦA HAI ĐƯỜNG TRÒN**

Thời lượng: 4 tiết

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

- Hiểu được ba vị trí tương đối của đường tròn, tính chất của hai đường tròn tiếp xúc nhau (tiếp điểm nằm trên đường nối tâm), tính chất của hai đường tròn cắt nhau (hai giao điểm đối xứng nhau qua đường nối tâm).

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: NL sử dụng ngôn ngữ toán học: kí hiệu, tưởng tượng. NL tư duy: logic, khả năng suy diễn, lập luận toán học. NL thực hiện các phép tính.NL hoạt động nhóm. NL sử dụng các công cụ: công cụ vẽ

- *Năng lực chuyên biệt*: Xác định được đâu là pt bậc nhất hai ẩn và biểu diễn tập nghiệm của nó.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Sgk, Sgv, các dạng toán…

**2 - HS** : Xem trước bài; Chuẩn bị các dụng cụ học tập; SGK, SBT Toán

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục đích:**Kích thích tính ham học hỏi của học sinh và bước đầu hình thành kiến thức mới.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:** Hai đường tròn có những VTTĐ nào? Có thể có bao nhiêu điểm chung?

Để kiểm chứng dự đoán trên, bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về Ba vị trí tương đối của hai đường tròn**

**a) Mục đích:**Hs nắm được ba vị trí tương đối của hai đường tròn

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv Yêu cầu HS làm ?1 SGK  H: Vì sao hai đường tròn phân biệt không thể có quá hai điểm chung?  GV: Vẽ một đường tròn (O) cố định, dịch chuyển đường tròn (O’) để giới thiệu các vị trí tương đối của hai đường tròn.  GV:Vẽ hình và giới thiệu trường hợp hai đường tròn cắt nhau.  H: Trong trường hợp này hai đường tròn có mấy điểm chung?  GV:Vẽ hình và giới thiệu trường hợp hai đường tròn tiếp xúc nhau  H: Hai đường tròn tiếp xúc nhau thì chúng có mấy điểm chung?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | **1. Ba vị trí tương đối của hai đường tròn.**  **a)Hai đường tròn cắt nhau:**  Hai đường tròn (O)  và (O’) cắt nhau  tại A và B.  − A, B là hai  điểm chung  − AB là dây chung  **b) Hai đường tròn tiếp xúc nhau**    (O) và (O’) tiếp xúc nhau tại A.  A gọi là tiếp điểm.  **c) Hai đường tròn không giao nhau**  Có trường hợp đựng nhau và  Trường hợp ngoài nhau |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu về Tính chất đường nối tâm**

**a) Mục đích:**Hs nắm đượcTính chất đường nối tâm

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV:Vẽ đường tròn (O) và đường tròn (O’) (có O O’) và giới thiệu đường thẳng OO’ gọi là đường nối tâm, đoạn nối tâm.  GV: Tại sao đường nối tâm OO’ lại là trục đối xứng của hình gồm cả hai đường tròn đó?  Yêu cầu HS làm ?2  Yêu cầu HS phát biểu nội dung tính chất trên?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS: Trả lời các câu hỏi của GV  + GV: Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + HS báo cáo kết quả  + Các HS khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS  GV chốt lại kiến thức | ***2.* Tính chất đường nối tâm*.***  Cho hai đường tròn (O) và (O’)( với O O’)  –Đường thẳng OO’ gọi là đường nối tâm  –Đoạn thẳng OO’ gọi là đoạn nối tâm  – OO’ là trục đối xứng của (O) và (O’)  **\* Định lí:**    a) (O) và (O’) cắt nhau tại A và B  ⇒ OO’ là trung trực của AB  b) ( O) và (O’) tiếp xúc nhau tại A  ⇒ O, A, O’ thẳng hàng.  ?2 a)Vì OA = OB = R và O’A = O’B = r  ⇒ OO’ là đường trung của đoạn thẳng AB  b) A nằm trên đường thẳng OO’ |

**C. HOẠT DỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:**Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Gọi Hs thảo luận nhóm làm bài tập**?3**

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV**: Gọi Hs lần lượt giải các bài tập

**HS :** Hoạt động cá nhân và đại diện HS lên bảng chữa bài.

**D. HOẠT DỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:**HS hệ thống được kiến thức trọng tâm của bài học và vận dụng được kiến thức trong bài học vào giải bài toán cụ thể.

**b) Nội dung: Cho HS hoàn thành các bài tập :**

Câu 1: Nêu các VTTĐ của hai đường tròn?

Câu 2: Xác định số giao điểm, và tính chất đường nối tâm trong từng trường hợp?

Câu 3: Bài tập 33 sgk

**c) Sản phẩm:** HS làm các bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**GV** yêu cầu HS làm các bài tập được giao

**HS** Hoàn thành các bài tập

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới